

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG

*(Sửa đổi, bổ sung lần 2 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường
niên Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương số 478/NQ-
ĐHĐCĐ ngày 28/4/2016)*



EVNHPC A VƯƠNG



Đà Nẵng, 28/ 4/2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	4
Chương 1	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa	5
Chương 2	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Chương 3	7
LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY	7
Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu của Công ty	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
Chương 4	10
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	10
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập, cổ phiếu	10
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	11
Điều 7. Sổ đăng ký Cổ đông	12
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	13
Điều 9. Thu hồi cổ phần	14
Chương 5	16
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	16
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	16
Chương 6	17
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	17
Điều 11. Quyền hạn của Cổ đông Công ty	17
Điều 12. Nghĩa vụ của các Cổ đông	19
Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông	19
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông	21
Điều 15. Người đại diện theo ủy quyền	23
Điều 16. Thay đổi các quyền	24
Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo	25
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông và các thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	26
Điều 19. Thể thức tiến hành cuộc họp và Biểu quyết	27
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	29
Điều 21. Thẩm quyền, thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản	31
Điều 22. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 23. Khiếu nại hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ	33
Chương 7	35
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ	35
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	37
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	41
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	41



Chương 8		47
TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY		47
Điều 28.	Tổ chức bộ máy quản lý	47
Điều 29.	Cán bộ quản lý	47
Điều 30.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	47
Điều 31.	Thư ký Công ty	49
Chương 9		51
NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ		51
Điều 32.	Nghĩa vụ và trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý	51
Điều 33.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	51
Điều 34.	Trách nhiệm và bồi thường	53
Chương 10		55
BAN KIỂM SOÁT		55
Điều 35.	Thành viên ban kiểm soát	55
Điều 36.	Ban kiểm soát	57
Chương 11		60
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY		60
Điều 37.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	60
Chương 12		61
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC		61
Điều 38.	Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác	61
Chương 13		62
CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN		62
Điều 39.	Đối tượng và nội dung công khai các lợi ích liên quan	62
Chương 14		63
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN		63
Điều 40.	Cổ tức	63
Chương 15		65
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN		65
Điều 41.	Tài khoản ngân hàng	65
Điều 42.	Các quỹ của Công ty	65
Điều 43.	Năm tài chính	65
Điều 44.	Hệ thống kế toán	65
Chương 16		66
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN		66
Điều 45.	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	66
Điều 46.	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	66
Chương 17		67
KIỂM TOÁN CÔNG TY		67
Điều 47.	Kiểm toán	67
Chương 18		68
CON DẤU		68

304
CỘ
CỘ
THỦ
A V
GIAN

Điều 48.	Con dấu	68
Chương 19		69
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ		69
Điều 49.	Chấm dứt hoạt động	69
Điều 50.	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông	69
Điều 51.	Rút ngắn thời gian hoạt động kinh doanh của Công ty	70
Điều 52.	Thanh lý	70
Chương 20		71
MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT		71
Điều 53.	Quan hệ với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh	71
Điều 54.	Quan hệ với Công ty liên kết	73
Chương 21		74
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ		74
Điều 55.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	74
Chương 22		75
SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ		75
Điều 56.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	75
Chương 23		76
NGÀY HIỆU LỰC		76
Điều 57.	Ngày hiệu lực	76
Điều 58.	Họ và tên; Chữ ký của Người đại diện pháp luật	76

1843
 IG T
 PHẢ
 Y ĐII
 ƯƠI
 G-T

MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (dưới đây gọi là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập mới. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với Pháp luật là cơ sở pháp lý để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này sửa đổi bổ sung lần 2 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương số 478/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2016.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều lệ của Công ty cổ phần **THỦY ĐIỆN A VƯƠNG** được xây dựng dựa vào căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 13 thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014 số 68/2014/QH13.



Chương 1 ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

- 1- Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau sẽ có nghĩa như quy định dưới đây:
 - a- "**Hội đồng quản trị**" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty (HĐQT).
 - b- "**Địa bàn kinh doanh**" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - c- "**Cổ đông**" có nghĩa là cá nhân, tổ chức được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần.
 - d- "**Vốn điều lệ**" là Tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - e- "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - f- "**Ngày thành lập**" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - g- "**Pháp luật**" là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm Pháp luật.
 - h- "**Cán bộ quản lý**" có nghĩa là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - i- "**Người có liên quan**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
 - j- "**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 2- Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
- 3- Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ này.
- 4- Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ "người" được hiểu là cá nhân và/hoặc tổ chức.
- 5- Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Điều lệ này, các từ hoặc thuật ngữ được dùng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

Chương 2
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1- Tên của Công ty bằng tiếng Việt là “CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG”.

Tên của Công ty bằng tiếng Anh là "A VUONG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY".

Tên viết tắt của Công ty là “AVC”

2- Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam.

3- Trụ sở đăng ký của Công ty là

a- Trụ sở chính

Thôn Dung, Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại : 0510.243731;

E-mail : avc@avuong.com

Website : avuong.com.

b- Văn phòng đại diện: Văn phòng đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại : 0511.3211102; 0511.3211103; **Fax:** 0511.3643885

E-mail : avc@avuong.com

Website: : avuong.evn.com.vn

4- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

5- Công ty thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con, công ty liên kết hoặc các hình thức hoạt động khác tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và theo quy định của Pháp luật.

6- Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 49 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chương 3
LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu của Công ty

1- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

a- Đầu tư, xây dựng, sản xuất- kinh doanh nguồn điện gồm các Nhà máy thủy điện, Phong điện, nhiệt điện, địa nhiệt điện, năng lượng mặt trời...và các công trình công nghiệp điện khác gồm đường dây và trạm ở các cấp điện áp đến 220KV.

b- Quản lý vận hành, bảo trì các Nhà máy điện và các công trình công nghiệp bao gồm phần thủy công, cơ khí thủy công, cơ điện, điều khiển tự động,...

c- Đào tạo- huấn luyện năng lực- kỹ năng thực hành và chuyển giao công nghệ vận hành - bảo trì các Nhà máy điện và bồi huấn nâng cao tay nghề, giữ bậc thợ, nâng bậc thợ, đào tạo thợ lành nghề cho các Nhà máy thủy điện...cũng như hướng dẫn thực hành cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Trường dạy nghề...thuộc khu vực.

d- Quản lý đầu tư, tư vấn giám sát thi công, xây lắp, xây dựng, các dự án thủy điện, phong điện, địa nhiệt điện, công trình điện khác, công trình công nghiệp, công trình viễn thông - thông tin...

e- Thí nghiệm điện và hóa dầu phục vụ công nghiệp điện năng và các lĩnh vực liên quan.

f- Kinh doanh dịch vụ viễn thông, tin học và công nghệ thông tin, truyền thông và quảng cáo.

g- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư - thiết bị điện lực, viễn thông, tin học - công nghệ thông tin...

h- Sản xuất thiết bị cơ khí, thiết bị điện và phụ kiện điện, cấu kiện thép - bê tông.

i- Kinh doanh bất động sản, thương mại, cho thuê văn phòng, thuê tài sản, lưu trú,...

j- Hoạt động tài chính gồm: Đầu tư tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm.

k- Đầu tư trồng rừng, quản lý rừng phòng hộ, nuôi trồng thủy sản và khai thác thủy sản, khai thác khoáng sản.

l- Du lịch sinh thái, nuôi trồng thủy sản lồng hồ.

m- Nghiên cứu và phát triển ở các lĩnh vực chuyên môn ứng dụng trong ngành điện và tin học - công nghệ thông tin.

n- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng phục vụ cho cụm công nghiệp Thủy điện phía Tây Bắc tỉnh Quảng Nam...

o- Đầu tư xây dựng, quản lý kinh doanh hệ thống giao thông nội địa và quốc tế (Xây dựng và kinh doanh đường giao thông, vận tải khác ...)

047
ĐNG
PH
UYE
ƯO
T.T.

p- Công nghệ trí thức: Nghiên cứu và phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin – truyền thông ứng dụng trong hệ thống quản lý kinh doanh năng lượng.

q- Kinh doanh các ngành nghề khác mà Pháp luật Việt Nam không cấm.

r- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển.

s- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện.

t- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác.

u- Xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dân dụng, xây dựng nhà các loại.

v- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách đường thủy nội địa.

w- Cho thuê Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

x- Cung ứng lao động tạm thời.

y- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).

z- Dịch vụ lưu trú; Dịch vụ ăn uống.

a₁- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô).

b₁- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: cầu, bốc xếp hàng hóa, thiết bị các loại).

2- Mục tiêu của Công ty

a- Tập trung mọi nguồn lực đầu tư và kinh doanh hiệu quả công trình thủy điện A Vương và các công trình thuộc hệ thống sông Vu gia - Thu Bồn nhằm thu được lợi nhuận tối đa cho Cổ đông trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cộng đồng các dân tộc khu vực ảnh hưởng của dự án, đóng góp vào ngân sách góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b- Luôn luôn đầu tư phát triển nguồn nhân lực đảm bảo mỗi kỹ sư là một kỹ sư giỏi, mỗi công nhân là một thợ lành nghề, mỗi cán bộ quản lý là một quản trị viên giỏi, mỗi thành viên là một chuyên gia và không có người thiếu việc trong Công ty.

c- Phát triển, hướng đến các ngành nghề hỗ trợ cho công việc kinh doanh hiệu quả các Nhà máy thủy điện bao gồm cung ứng dịch vụ đầu tư, xây lắp, tư vấn, quản lý vận hành, bảo trì... cho các Nhà máy ở khu vực đảm bảo lợi ích cho các nhà đầu tư cùng hưởng lợi.

d- Từng bước đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đặc biệt là đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, bất động sản, dịch vụ lưu trú, cho thuê văn phòng...

e- Đảm bảo sự phát triển bền vững của môi trường, góp phần duy trì và phát triển đa dạng sinh học các khu vực dự án thủy điện.

3- Sự chi phối của cơ quan công quyền

Thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 1- **Công ty lập** kế hoạch và tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật; phù hợp với Điều lệ Công ty; thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 2- **Công ty được tiến hành** những hình thức kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật.



b- Quyền được mua của Công ty

- Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

- Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp.

c- Chào bán cho các nhà đầu tư bên ngoài Công ty

- Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

5- Phát hành chứng khoán khác: Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1- Cổ phiếu

a- Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định ở Điều 120 Luật doanh nghiệp.

b- Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

2- Đối tượng được cấp chứng chỉ, chứng nhận

a- Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều này.

b- Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo Pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3- Thời hạn cấp chứng chỉ cổ phiếu

1784
NG T
PH
Y DI
Ư
G-T

a- Trong thời hạn **hai tháng** kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

b- Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

4- Chuyển nhượng cổ phần

a- Mọi sự chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng và các giao dịch khác liên quan đến cổ phần và việc sở hữu cổ phần phải thông qua thủ tục chuyển nhượng tại Công ty và phải được đại diện theo Pháp luật của Công ty hoặc đại diện được ủy quyền của người đó xác nhận. Những thay đổi đó cũng sẽ được ghi nhận tương ứng tại Sổ đăng ký Cổ đông lưu tại công ty.

b- Hội đồng quản trị ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

5- **Cấp lại chứng chỉ cổ phiếu:** Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6- **Cấp lại sổ chứng nhận Cổ đông:** Nếu Sổ chứng nhận Cổ đông bị hỏng, bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì Cổ đông phải báo ngay cho Công ty bằng văn bản. Công ty sẽ xem xét cấp lại Sổ chứng nhận Cổ đông mới ghi nhận số cổ phần tương ứng cho người sở hữu theo yêu cầu của người đó với điều kiện Cổ đông đó phải xuất trình giấy tờ chứng minh hợp lệ và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty, kể cả các chi phí công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng (nếu HĐQT thấy cần thiết).

7- Quyền điều chỉnh của Công ty

a- Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng.

b- Tại từng thời điểm, Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 7. Sổ đăng ký Cổ đông

1- **Lập sổ đăng ký Cổ đông:** Công ty sẽ lập và lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông. Sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký Cổ đông có các nội dung chính sau :

35.
Y
N
N
G
QUA

- a- Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức;
 - e- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
 - f- Các chi tiết khác do Hội đồng quản trị quy định tại từng thời kỳ.
- 2- **Lưu giữ và bảo quản:** Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ, bảo quản và sử dụng tại trụ sở của Công ty hoặc tại một địa điểm khác hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định.
- 3- **Thời gian cập nhật:** Chậm nhất là năm (5) ngày làm việc sau khi Công ty được thanh toán đầy đủ các cổ phần mà Công ty phát hành hoặc nhận được thông báo và giấy tờ hợp lệ chứng minh việc chuyển nhượng, các chi tiết liên quan đến Cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng sẽ được ghi chép vào trong Sổ đăng ký Cổ đông.
- 4- **Thông tin về sự thay đổi địa chỉ của Cổ đông:** Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Công ty biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của mình. Trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ đăng ký Cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo về việc thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1- Quyền chuyển nhượng cổ phần

a- Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác.

b- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2- **Cổ phần không được chuyển nhượng:** Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

3- Nghĩa vụ của Cổ đông sáng lập

a- Các cổ đông sáng lập phải cùng đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn chín mươi (90) ngày làm việc, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b- Trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông

của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

c- Sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

- 4- **Cổ phiếu ghi danh:** Trừ khi Pháp luật có quy định khác, các cổ phiếu ghi danh có thể được chuyển nhượng bằng văn bản được ký hợp lệ bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào khác mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận, kể cả hình thức trao tay. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng qua Trung tâm giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký Cổ đông.
- 5- **Quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng:** Đối với các cổ phiếu ghi danh mà chưa thanh toán đầy đủ số tiền mua cổ phiếu như đã cam kết thì Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối việc đăng ký chuyển nhượng.
- 6- **Trách nhiệm của người thừa kế cổ phần của Cổ đông bị chết:** Trong trường hợp một Cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

- 1- **Thông báo xử lý việc chậm thanh toán của Cổ đông:** Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần thì HĐQT có thể gửi thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
- 2- **Nội dung của thông báo:** Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (*tối thiểu là bảy (7) ngày kể từ ngày gửi thông báo*), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 3- **Thu hồi cổ phần**
 - a- Nếu các nội dung của thông báo nêu trên không được Cổ đông thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi số cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào (*trước khi được thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan*).
 - b- Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản



trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4- **Xử lý cổ phần bị thu hồi:** Các cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho Cổ đông bị thu hồi các cổ phần này hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác mà HĐQT cho là phù hợp.

5- **Trách nhiệm của Cổ đông bị thu hồi cổ phần**

a- Cổ đông nắm giữ các cổ phần mà các cổ phần này bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán.

b- Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6- **Hiệu lực của thông báo thu hồi cổ phần:** Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo thu hồi cổ phần.

004
CÔNG
CỔ P
HỮY
\ VU
ANG.

Chương 5
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- 1- Đại hội đồng Cổ đông;**
- 2- Hội đồng quản trị;**
- 3- Ban kiểm soát.**
- 4- Tổng giám đốc;**

784
GT
HẢ
ĐII
(0)
T.C

Chương 6
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1- Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu: Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2- Quyền của người sở hữu cổ phần phổ thông

a- Tham dự và phát biểu trong các ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác quy định tại điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b- Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

c- Tự do chuyển nhượng cổ phiếu (cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật) cho Cổ đông khác và cho người không phải là Cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 8;

d- Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định bán cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài;

e- Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;

f- Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật;

g- Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 điều 129 Luật doanh nghiệp; và

h- Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

3- Quyền của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm trở lên (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên:

a- Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại các khoản 6 Điều 24 và khoản 2 Điều 35;

b- Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp qui định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

- Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối

35
Y
N
IG
LUAN

với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (*văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan*).

- Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

c- Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.

d- Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. *Yêu cầu phải lập bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.*

e- Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4- Quyền cử đại diện của Cổ đông tổ chức

Cổ đông có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn trước ngày bầu cử là mười ngày (10) ngày làm việc.

Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a- Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ đông;
- b- Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại Công ty;
- c- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
- d- Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e- Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- f- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo Pháp luật của Cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan cấp phép đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

- 5- **Quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có):** sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại từng thời kỳ phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của các Cổ đông

Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- 1- **Chịu trách nhiệm** về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
 - a- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
 - b- Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
- 2- **Thanh toán tiền mua cổ phần** theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định.
- 3- **Tuân thủ, chấp hành** các Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.
- 4- **Chấp hành các Nghị quyết, quyết định** của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 5- **Cùng nhau quảng bá và bảo vệ hình ảnh** - các lợi ích hợp pháp của Công ty.
- 6- **Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân** khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a- Vi phạm Pháp luật;
 - b- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
- 7- **Cung cấp địa chỉ chính xác** khi đăng ký mua cổ phần;
- 8- **Thực hiện và hoàn thành các nghĩa vụ khác** theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Điều 96 Luật doanh nghiệp quy định quyền và nhiệm vụ của đại hội cổ đông.

- 1- **Họp thường niên:** Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị,

ơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (6) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2- Nội dung và cách thức triệu tập họp thường niên

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định. Đặc biệt các Cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội đồng Cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3- Họp bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a- **Bảng báo cáo tài chính** quý hoặc nửa năm hoặc hàng năm cho thấy Vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

b- **Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên của Pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa so với số thành viên quy định trong Điều lệ;**

c- **Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ.**

d- **Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;**

e- **Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.**

f- **Các trường hợp khác** theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

4- Cách thức triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường:

a- **Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc** kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b- **Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp** theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc tiếp theo Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

001
C
C
TH
A
/AA

c- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, những Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d- Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 4 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5- Các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông

a- Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập: dựa trên sổ đăng ký Cổ đông của Công ty. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn

b- Nội dung trích ngang nhân thân của Cổ đông dự họp Đại hội đồng Cổ đông: Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.

c- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1- Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau

- a- Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.
- b- Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty.
- c- Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- d- Báo cáo của Kiểm toán độc lập.
- e- Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty.

2- Quyền quyết định và nội dung nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông: Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b- Mức chia cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của Pháp luật;

c- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị phù hợp Điều lệ và Luật pháp quy định;

d- Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập;

e- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

f- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

h- Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

i- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

j- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát về việc gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;

k- Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng giám đốc Công ty;

l- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các chi nhánh của Công ty;

m- Công ty mua lại từ mười phần trăm (10%) cổ phần trở lên thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành của Công ty;

n- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

Đối với các hợp đồng ký kết giữa Công ty với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, thì Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

o- Kết quả định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền có giá trị từ bốn mươi (40) tỷ đồng trở lên liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật;

p- Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị từ bốn mươi (40) tỷ đồng trở lên;

q- Khi kế hoạch đầu tư hoặc kế hoạch tài chính hàng năm vượt từ mười phần trăm (10%) trở lên.

r- Việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập cho người không phải là Cổ đông Công ty trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

34.
T.Y
I.A
DI
JN
T.O

s- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;

t- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3- Cổ đông không được quyền bỏ phiếu thông qua nghị quyết khi:

a- Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này nếu Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc

b- Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ Người nào có liên quan trực tiếp đến Cổ đông đó (cụ thể do HĐQT quy định).

4- Quyền thảo luận và biểu quyết của Đại hội đồng Cổ đông: Đại hội đồng Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

5- Các nội dung đã quy định tại điều 114 và các điều khác của Luật Doanh Nghiệp (trong đó các nội dung quy định trong Điều lệ này không trái với pháp luật thì thực hiện theo điều lệ này).

Điều 15. Người đại diện theo ủy quyền

1- Ủy quyền dự Đại hội đồng Cổ đông: Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản theo mẫu quy định của Công ty cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp là tổ chức thì giấy ủy quyền phải được ký bởi người đại diện theo Pháp luật của tổ chức và phải được đóng dấu của tổ chức.

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

2- Vấn đề Luật sư thừa ủy quyền của thân chủ ký giấy chỉ định người đại diện theo ủy quyền cho thân chủ, thì giấy ủy quyền này chỉ hợp lệ khi

a- Thân chủ đã đăng ký bằng văn bản chỉ định Luật sư đại diện quyền lợi cho thân chủ theo đúng yêu cầu của Pháp luật với HĐQT, trong đó ghi rõ các nội dung công việc Luật sư đại diện được quyền giải quyết thay thân chủ, hoặc:

b- Thân chủ lập giấy ủy quyền với đầy đủ các nội dung công việc được quyền giải quyết cho Luật sư đại diện giải quyết và văn bản này được gửi đến

15
1
N
G
JAW

HĐQT công ty đồng thời với văn bản ủy quyền do Luật sư xác lập chỉ định người đại diện cho thân chủ.

Nếu các nội dung này không được thực hiện thì việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

3- Hiệu lực của phiếu biểu quyết đã thực hiện của người đại diện theo ủy quyền

- Phiếu biểu quyết đã thực hiện của người đại diện theo ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định người đại diện theo ủy quyền đó đã:

- a- Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình.
- b- Hủy bỏ việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền; hoặc
- c- Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

- Tuy nhiên, Điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên đây **48 giờ trước cuộc họp** hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập hoặc trước khi biểu quyết.

4- **Quyền dự họp ĐHĐCĐ đối với người nhận chuyển nhượng cổ phần:** Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

5- **Chứng minh ủy quyền:** Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) trước khi vào phòng họp.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1- **Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt:** Các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông như được quy định tại khoản 2 Điều 14, khi Vốn điều lệ của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật Doanh nghiệp, **các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bởi:**

a- Với sự nhất trí bằng văn bản của những người **nắm giữ ít nhất 75%** (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó; hoặc

b- Với nghị quyết được thông qua bởi những người **nắm giữ ít nhất 75%** (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông có mặt tại một cuộc họp của riêng những người sở hữu loại cổ phần đó.

2- **Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp** như vậy ít nhất là hai Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) sở hữu ít nhất **một phần ba** giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành.

a- Nếu tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như yêu cầu trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng **ba mươi (30) ngày làm việc** sau đó và bất kì một người nào sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu.



- b- Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
- 3- **Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng:** Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện theo các quy định phù hợp tại Điều 19 và 20 ngoại trừ các quy định về tỷ lệ biểu quyết và số người tham dự tối thiểu quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo

- 1- Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, hoặc Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13 của Điều lệ này.
- 2- **Nhiệm vụ của người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông:**
- a- Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông
 - b- Chuẩn bị chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty;
 - c- Xác định thời gian và địa điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - d- Gửi thông báo cho tất cả các Cổ đông về cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

3- Thông tin triệu tập họp

Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội:

- a- **Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu:** thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo Trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính.
- b- **Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu:** thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.
- c- **Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty:** thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Công ty cổ phần thủy điện A Vương có website riêng, do đó thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

- 4- **Quyền đề xuất nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông của Cổ đông:** Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải ghi rõ họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần Cổ đông đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 5- **Quyền từ chối các đề xuất ở khoản 4 Điều này của người triệu tập họp ĐHĐCĐ:** Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều này nếu:
 - a- Đề xuất không được gửi đúng thời hạn.
 - b- Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề xuất không đủ điều kiện nắm giữ trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên.
 - c- Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết hoặc trái với quy định pháp luật hiện hành.
 - d- Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

6- **Bổ sung các đề xuất vào chương trình họp ĐHĐCĐ:**

Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

- 7- **Chuẩn bị dự thảo nghị quyết:** Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết.
- 8- **Hiệu lực của các quyết định đã được ĐHĐCĐ thông qua:** Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng Cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông và các thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông

- 1- Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;
- 2- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng

COI
CỔ
PHŨ
A V
/ANI

ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp **đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết**;

- 3- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội.

Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

- 4- Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 điều 17 của Điều lệ này.

- 5- Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành cuộc họp và Biểu quyết

Vào ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

- 1- Người đăng ký dự họp sẽ được cấp **thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp**. Thẻ biểu quyết có ghi rõ số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;

- 2- **Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu** của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định như sau:

a- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp;

Trường hợp HĐQT không có người đủ khả năng, kể cả việc thành viên HĐQT không đồng ý làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp này chủ tọa cuộc họp không nhất thiết là thành viên HĐQT);

78
PH
YE
UC
3-1

b- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố;

c- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ

d- Đại hội đồng Cổ đông tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người này. Số thành viên **Ban kiểm phiếu không quá 3 người**;

- 3- **Chương trình và nội dung họp** phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 4- **Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền** thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- 5- **Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết** theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

- 6- **Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp** đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết những nội dung còn lại chưa biểu quyết ngay sau khi đăng ký.

Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

- 7- **Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền:**

a- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc tuân thủ các biện pháp an ninh khác mà HĐQT cho là thích hợp;

b- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;

- 8- **Quyền hoãn họp ĐHĐCĐ của chủ tọa:** Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

II
TY
AN
HET
IN
QU

- c- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ;
- d- Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn Đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
- 9- Xử lý vi phạm của chủ tọa về việc hoãn, tạm dừng họp ĐHĐCĐ:** Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng;
- 10- Quyền quyết định của chủ tọa đối với các vấn đề phát sinh:** Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
- 11- Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng đề:**
- a- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b- Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c- Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự đại hội (hoặc tiếp tục tham dự). Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác;
- 12- Các địa điểm họp ĐHĐCĐ:** Trong trường hợp tại Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 12 Điều này, khi xác định địa điểm Đại hội, Hội đồng quản trị có thể:
- a- Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm Đại hội chính");
 - b- Bố trí và tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm Đại hội chính có thể đồng thời tham dự Đại hội. Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo điều khoản này;
- 13- Quyền được công nhận dự họp tại địa điểm chính:** Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi Cổ đông cho dù tham dự Đại hội theo phương thức quy định tại khoản 13 Điều này sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm Đại hội chính.
- 14- Họp ĐHĐCĐ thường niên:** Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định (nghị quyết) của Đại hội đồng Cổ đông

- 1- **Hình thức ra Quyết định của ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 2- **Các nội dung do ĐHĐCĐ biểu quyết:** Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:
 - a- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - b- Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - c- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - d- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ hai mươi phần trăm 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các nội dung còn lại theo khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này.
 - f- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g- Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 3- **Điều kiện công nhận thông qua Quyết định, Nghị quyết:** Quyết định- Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a- Trừ điểm b dưới đây, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề còn lại trên đây phải được đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành;
 - b- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản hoặc các giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành
 - c- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc điều lệ Công ty.
 - d- Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.



- 4- Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;
- 5- Thời hạn công bố Nghị quyết của ĐHĐCĐ: Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 21. Thẩm quyền, thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản

- 1- Các nghị quyết có thể được Cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (Năm mươi một phần trăm) quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.
- 2- Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau:

a- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b- Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ đông;

c- Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty

d- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của Cổ đông là tổ chức;

40
C
C
T
A
GIA

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

e- Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty;

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các quyết định đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo Pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

f- Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn **15 ngày**, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

g- Lưu trữ: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

h- Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

3- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 22. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1- Nội dung biên bản: Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

304
ÔN
Ồ
LƯU
VI
VG.

- a- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
- c- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d- Chủ tọa và thư ký;
- e- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f- Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
- h- Các quyết định đã được thông qua;
- i- Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau (nếu có mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt có giá trị pháp lý cao hơn); các biên bản phải được chủ tọa và thư ký đại hội xác nhận và được lập theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ này.

2- Thông qua biên bản họp ĐHĐCĐ: Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua ĐHĐCĐ trước khi bế mạc cuộc họp;

3- Trách nhiệm của chủ tọa (chủ trì) và thư ký đối với nội dung biên bản

- a- Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- b- Người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông và gửi cho tất cả các Cổ đông trong vòng **15 ngày làm việc** khi Đại hội đồng Cổ đông kết thúc.
- c- Biên bản Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ khi gửi biên bản.
- d- Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Khiếu nại hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu

76
G
H
Đ
T

cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:

a- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

b- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

133
TY
IN
EN
NG
QUA

Chương 7 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ

- 1- **Số thành viên của Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ đầu tiên là năm (5) người.** Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị các nhiệm kỳ tiếp theo là do Đại hội đồng Cổ đông quyết định ít nhất là 3 người và nhiều nhất là 5 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (5) năm.
 - a- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - b- Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị sau khi kết thúc nhiệm kỳ năm (5) năm: Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba (1/3) **số thành viên phải được bầu hoặc bầu lại.** Ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập không điều hành.
- 2- **Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.**
- 3- **Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.**
- 4- **Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.**
- 5- **Điều kiện và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị**
 - a- Thường trú tại Việt Nam;
 - b- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - c- Là **Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần** phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc người được CBCNV Công ty cử làm người đại diện cho tất cả cổ phần của CBCNV.
 - d- **Không phải là người liên quan của người quản lý Công ty, của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty.**
- 6- **Quyền đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị:** Thành viên của Hội đồng quản trị do các Cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng Cổ đông với điều kiện là:
 - a- Thành viên của Hội đồng quản trị do các Cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng Cổ đông sáng lập. Các Cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
 - b- **Cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ sáu (6) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị theo quy định dưới đây:**

b.1- Cổ đông, trong đó mỗi cổ đông nắm giữ tối thiểu 5 [%] số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

b.2- Đề cử 1 thành viên:

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên (10% ÷ 15%) mười phần trăm đến dưới mười lăm phần trăm số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (1) thành viên.

b.3- Đề cử 2 thành viên:

Nắm giữ từ [15% - 30%) mười lăm phần trăm đến dưới ba mươi phần trăm thì họ được quyền đề cử hai (2) thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị;

b.4- Đề cử 3 thành viên:

Nắm giữ từ [30% - 50%) ba mươi phần trăm đến dưới năm mươi phần trăm thì họ được đề cử ba (3) thành viên;

b.5- Đề cử 4 thành viên:

Nắm giữ từ [50% - 65%) năm mươi phần trăm đến dưới sáu mươi lăm phần trăm thì họ được đề cử bốn (4) thành viên;

b.6- Đề cử đủ số thành viên:

Nắm giữ lớn hơn [65% - 100%] sáu mươi lăm phần trăm thì được đề cử đủ số thành viên HĐQT theo quy định.

c- Xử lý trường hợp thiếu ứng viên: Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7- Bãi nhiệm, miễn nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này. (Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị);

b- Gửi đơn xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty, hoặc có văn bản của cổ đông đề nghị Hội đồng quản trị cho thành viên đó thôi tham gia Hội đồng quản trị do không còn là đại diện cho phần vốn của cổ đông tại Công ty;

c- Bị chết hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;



- d- Thành viên đó vắng mặt** không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e- Bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị** theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của Pháp luật;
- g- Không còn là đại diện phần vốn** của tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp thành viên là đại diện phần vốn của tổ chức đó;
- h- Là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện** cho tổ chức đó;
- 8- Bầu bổ sung:** Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá **một phần ba (1/3)** so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời **hạn sáu mươi (60) ngày làm việc**, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- 9- Hội đồng quản trị:** Có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên này sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 10- Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải:** được thông báo theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Kết quả bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên ít nhất hai tờ báo kinh tế chính thức được nhiều người biết đến tại Việt Nam trong vòng năm (5) ngày làm việc kể từ sau khi bầu cử hoặc trên Website của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 1- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty**, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông, nghĩa là:
- Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Điều hành Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là lợi ích tối cao của Công ty.
- 2- Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo** Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- 3- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:** do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a- Quyết định chiến lược, kế hoạch** phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;

b- Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

c- Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

d- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng hay cán bộ quản lý quan trọng khác hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

Bổ nhiệm và miễn nhiệm các cán bộ quản lý khác (ngoài các chức danh trên) của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;

e- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

f- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý **chống lại cán bộ quản lý đó**;

g- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

h- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

i- Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

j- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, tổ chức việc chi trả cổ tức;

k- Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

l- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị dưới bốn mươi (40) tỷ đồng;

m- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;

n- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng Cổ đông.

o- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4- Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a- Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b- Việc thành lập các Công ty con của Công ty;

c- Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc ký kết, việc thực hiện, việc

sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh của Công ty trừ trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp đều phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn;

d- Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty ngoài kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

e- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các chi nhánh của Công ty;

f- Công ty mua lại dưới mười phần trăm (10%) cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành của Công ty;

g- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

h- Kết quả định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền có giá trị dưới bốn mươi (40) tỷ đồng liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật;

i- Kế hoạch đầu tư hoặc kế hoạch tài chính vượt dưới mười phần trăm (10%).

j- Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

k- Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình được quy định tại Điều này.

l- Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

5- Các báo cáo thường niên của Hội đồng quản trị: Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a- Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;

b- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

c- Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

- Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. Các báo cáo và tài liệu quy định trên được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất **ba mươi (30) ngày làm việc** trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

- Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất **bảy (7) ngày làm việc** trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

- Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

- 6- **Vấn đề ủy quyền:** Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động nhân danh Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận trừ khi vấn đề được ủy quyền thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc hoặc Pháp luật và Điều lệ có quy định khác.

7- Thù lao cho Hội đồng quản trị

Thù lao cho Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị (*không tính các đại diện được ủy quyền thay thế*) được nhận thù lao và tiền thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.

- Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị (*Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày*) hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

- Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị [*và số tiền thù lao cho từng thành viên*] phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

- 8- **Chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị:** Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.

- 9- **Thủ tục ra quyết định của Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

- 10- **Trách nhiệm Pháp luật của Hội đồng quản trị:** Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

- Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

- Trong trường hợp này, Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1-Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Là thành viên Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị bầu. Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty.

- Căn cứ khoản 4 Điều 2 của Điều lệ này Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam;

Chủ tịch Hội đồng quản trị nếu kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

2-Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b- Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e- Triệu tập và Chủ tọa họp Đại hội đồng Cổ đông;
- f- Thực thi các quyền theo Ủy quyền của Hội đồng quản trị và quy định của Pháp luật về người đứng đầu và đại diện theo Pháp luật của Công ty;
- g- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3- Trách nhiệm báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;

4- Trong trường hợp nêu trên (Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình), Hội đồng quản trị tiến hành bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

5- Thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị: Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán trong thời hạn **mười (10) ngày làm việc**.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1- Kỳ họp thứ nhất của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn **bảy (7) ngày** làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu (*bầu ở đại hội Cổ đông*) bầu cao nhất triệu tập.

Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2- Họp định kỳ

Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước ngày họp dự kiến. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng **mỗi quý phải họp ít nhất một lần.**

3- Các cuộc họp bất thường

a- Quyền yêu cầu triệu tập họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (5) người quản lý khác;

- Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

- Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc

- Có đề nghị của Ban kiểm soát.

b- Thời gian triệu tập họp bất thường: Thời gian triệu tập họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong **thời hạn bảy (7) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

d- Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

4- Địa điểm họp

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

5- Thông tin họp

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên chậm nhất **ba (3) ngày làm việc** trước ngày họp, với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố.

Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được

bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

6- Trách nhiệm dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Số thành viên tham dự tối thiểu: cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định trên không đủ số thành viên dự họp thì được triệu tập lần 2 trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

7- Quyền biểu quyết

a- Trừ quy định tại điểm b khoản 7 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

b- Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ Người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

c- Theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

d- Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và Điều 33 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

8- Nguyên tắc đa số trong biểu quyết

Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị

9- Việc bỏ phiếu của người vắng mặt

Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được đựng trong phong bì dán kín- ký niêm phong và chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký không muộn hơn 1 giờ đồng hồ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10- Các hình thức họp khác

a- Họp theo hình thức nghị sự của các thành viên HĐQT không cùng ở tại 1 địa điểm:

- Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

- Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó.

b- Cách xác định địa điểm họp theo dạng nghị sự mà các thành viên HĐQT không ở cùng 1 địa điểm: Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

c- Hiệu lực của Nghị quyết: Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách họp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định sau đó bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11- Nghị quyết bằng văn bản:

- Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a- Những thành viên có quyền biểu quyết;

b- Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

- Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

12- Biên bản cuộc họp

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b- Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c- Thời gian, địa điểm họp;

d- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h- Các quyết định đã được thông qua;

i- Họ và tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản

- Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Chủ tọa có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi chuyển đi.

- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

13- Những người được mời họp dự thỉnh

Tổng giám đốc, những Cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

14- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

10
ĐN
P
Y
U
1-1

a- Hội đồng quản trị có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp.

b- Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban, với điều kiện:

- Số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban.

- Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

15- Công khai lợi ích tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ 1 Hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất nội dung của quyền lợi đó (theo Điều 39 của Điều lệ này) trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết Hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc Hợp đồng liên quan.

16- Giá trị pháp lý của hành động theo quyết định của HĐQT

Mọi hành động được thực hiện theo quyết định HĐQT, hoặc của bất kỳ Tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của Tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của Tiểu ban hoặc HĐQT có thể có những sai sót.

70
G 7
H A
D I E
J N
91

Chương 8
TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC
VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

- Bộ máy quản lý của Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.

- Công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

- Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị chức năng biên soạn các quy chế- quy định làm việc, các thủ tục quản lý và điều hành. Tổng giám đốc trực tiếp soát xét và ký trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt để thực hiện.

Điều 29. Cán bộ quản lý

- 1- Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị yêu cầu theo từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 2- Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và những Cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1- Bổ nhiệm

- Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

- Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2- Nhiệm kỳ

- Theo Điều 26 Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. **Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm [5] năm** trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc là năm (5) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác, và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3- Tiêu chuẩn và điều kiện

Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a- **Tổng giám đốc không được phép là những người bị Pháp luật cấm** giữ chức vụ này, (tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản).
- b- Là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của Công ty hoặc người không phải là thành viên Hội đồng quản trị nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- c- Đối với Công ty con của Công ty có phần vốn góp, thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này, Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.

4- Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm

Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- b- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT yêu cầu và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.
- d- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e- Đề xuất HĐQT về số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ và triển khai thực hiện khi HĐQT thông qua.
- f- Xây dựng quy chế trả lương, trợ cấp, lợi ích, phụ cấp, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và chỉ thực hiện khi được HĐQT thông qua.

g- Trình HĐQT kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

h- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

j- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.

Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và Pháp luật.

5- Báo cáo

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6- Trách nhiệm điều hành

Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7- Bãi nhiệm

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định các thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định Pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm thư ký Công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:

a- Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b- Làm biên bản các cuộc họp;

c- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d- Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát).

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

30
C
C
H
A
/AN

Chương 9
NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Nghĩa vụ và trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý

1- Các cá nhân nắm giữ các vị trí trên đây có nghĩa vụ

a- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, Pháp luật có liên quan, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

b- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;

c- Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

e- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và của Luật Doanh nghiệp.

2- Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3- Trách nhiệm thực thi nhiệm vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1- Trách nhiệm trung thực

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2- Nghĩa vụ thông báo lợi ích có thể xung đột của cá nhân cho HĐQT:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân

47
NG
PH
YI
/UC
3-7

Chương 10 BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên ban kiểm soát

1- Cơ cấu của ban kiểm soát:

- a- **Số lượng:** Ban kiểm soát có từ **ba đến năm** (từ 3 đến 5) thành viên; Số lượng thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bổ nhiệm, **nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm**; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế và **nhiệm kỳ đầu tiên là ba (3) người.**

Cơ cấu ban kiểm soát tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp quy hướng dẫn hiện hành.

- b- **Các thành viên Ban kiểm soát bầu** một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát được quy định tại khoản 6 Điều này. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- c- **Quyền kéo dài nhiệm kỳ của Ban kiểm soát:** Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2- Đề cử thành viên Ban kiểm soát:

- a- **Quyền đề cử ứng viên:** Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ sáu (6) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử ứng viên vào Ban kiểm soát, cụ thể như:

Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ **nằm từ [10% ÷ 30%)** mười phần trăm đến dưới ba mươi phần trăm số cổ phần thì họ được phép đề cử một (1) người.

Nắm giữ từ **[30% ÷ 50%)** ba mươi phần trăm đến dưới năm mươi phần trăm số cổ phần thì họ được đề cử hai (2) người.

Nắm giữ từ **[50% ÷ 65%)** năm mươi phần trăm đến dưới sáu mươi lăm phần trăm số cổ phần thì họ được đề cử ba (3) thành viên.

Và nếu chiếm lớn hơn sáu mươi lăm phần trăm **[65% - 100%]** thì họ được đề cử đủ số thành viên.

- b- **Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần** có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng [hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ] có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.

3- Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

- a- **Tuổi** từ 21 tuổi trở lên.

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- a- **Thù lao:** Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
- b- **Chi phí:** Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác;
- c- **Thanh toán:** Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

8- Bãi nhiệm kiểm soát viên của Ban kiểm soát

- a- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- b- Có đơn xin từ chức được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c- Thành viên đó bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc bị hạn chế năng lực hành vi;
- d- Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng (*Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống*);
- e- Ngoài các trường hợp quy định trên, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 36. Ban kiểm soát

1- Quyền hạn và nhiệm vụ

Ban kiểm soát và thành viên của Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và theo các nội dung quy định dưới đây:

- b- **Ban kiểm soát thực hiện giám sát** Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

30.
ÔN
ĐP
17/1
UO.
T.Q

- c- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- d- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- e- Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- f- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hàng quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- g- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- h- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
- i- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- j- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Doanh nghiệp.
- k- Trách nhiệm kiểm tra khi có yêu cầu: Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- l- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- m- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- n- **Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác** theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- o- **Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ** trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2- Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- a- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- b- Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- c- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.
- d- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3-Quy định hội họp của Ban kiểm soát

Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là **hai (2) người**.

1435
Y
3 NAW

Chương 11

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1- Quyền kiểm tra hồ sơ sổ sách của Cổ đông Công ty: Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 11 có quyền trực tiếp hoặc qua người đại diện theo ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các Cổ đông, các biên bản của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.

Yêu cầu kiểm tra do phía người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện.

2- Quyền kiểm tra hồ sơ sổ sách Công ty của Cán bộ quản lý Công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và những hồ sơ khác của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình vì lợi ích của Công ty và phải có trách nhiệm bảo mật những thông tin này.

3- Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây

- a- Điều lệ Công ty và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký Cổ đông.
- b- Giấy chứng nhận đăng lý kinh doanh; giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.
- c- Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.
- d- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định và nghị quyết đã được thông qua.
- e- Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán.
- f- Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
- g- Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm.
- h- Các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật.

Công ty phải lưu giữ các tài liệu trên ở trụ sở chính hoặc ở nơi khác nhưng phải thông báo cho Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của Pháp luật.

4- Công bố điều lệ: Mọi Cổ đông đều có quyền được tiếp cận và đọc bản Điều lệ này tại Văn phòng Công ty hoặc trên Website của Công ty cổ phần thủy điện A Vương.

Chương 12
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC
CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC

Điều 38. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác

1- Tổ chức cơ sở Đảng trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2- Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật.

3- Công nhân viên: Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng và đào tạo lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức đoàn thể được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và Pháp luật.

Chương 13
CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Điều 39. Đối tượng và nội dung công khai các lợi ích liên quan

1-Đối tượng:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty.

2-Thời hạn:

Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3-Các nội dung cần công khai:

a- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

4-Công khai nội dung kê khai: Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

5-Trách nhiệm giải trình, xử lý vi phạm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

101
CỔ
CỔ
HỮ
1 V
1 NG

Chương 14 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1- **Mức chia cổ tức:** Mức chia cổ tức hàng năm do Đại hội đồng Cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của Pháp luật. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện, sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2- **Thời hạn thanh toán cổ tức:** Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông có quy định khác đi, việc thanh toán cổ tức được thực hiện sáu (6) tháng một lần chậm nhất vào tháng 4 và tháng 10 hàng năm. Việc thanh toán cổ tức vào tháng 4 hàng năm do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức vào tháng 10.

3- **Mức cổ tức** (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với số lượng cổ phần Cổ đông sở hữu trong khoảng thời gian chi trả cổ tức, ngoại trừ:

a- Các điều khoản phát hành cổ phiếu được chi trả cổ tức có quy định khác đi hoặc:

b- Các cổ phần được chi trả cổ tức có các quyền đi kèm.

4- Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu chậm nhận cổ tức.

5- Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu do Công ty khác phát hành, đã được thanh toán hết tiền mua) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6- Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu.

Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông.

Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

147
NG
PH
YE
Ư
T

Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

Ngoài những hình thức nêu trên, Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông quyết định những hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

7- Nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần phổ thông thay thế cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua. Giá trị của các cổ phần phổ thông thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực- minh bạch nhất.

8- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Ngày khóa sổ này có thể có cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi được nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

9- Lập danh sách trước thời hạn, hình thức trả cổ tức: chậm nhất ba mươi (30) ngày làm việc trước mỗi lần trả cổ tức Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày làm việc trước khi thực hiện trả cổ tức.

(Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Công ty).

10- Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong khoảng thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

343
TY
ẤN
LIÊN
NG
DUY

Chương 15
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ CỦA
CÔNG TY, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

- 1- Công ty mở tài khoản tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 2- Tùy theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, sau khi được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu Pháp luật yêu cầu), Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật nếu cần thiết.
- 3- Tài khoản sử dụng trong thanh toán của Công ty: Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Các quỹ của Công ty

- 1- Hàng năm, Công ty phải trích lợi nhuận sau thuế một khoản vào Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ bằng mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ của Công ty.
- 2- Việc trích lập và sử dụng các quỹ khác của Công ty (Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển,..) do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Điều 43. Năm tài chính

- 1- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
- 2- Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2008.

Điều 44. Hệ thống kế toán

- 1- Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 2- Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 3- Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương 16
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

- 1- Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và hàng năm theo quy định của Pháp luật.** Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này. Công ty phải nộp các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật. Khi đã niêm yết Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
- 2- Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.** Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
- 3- Công bố cho Cổ đông và công chúng:** Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương 17
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

- 1- **Kiểm toán cho năm tài chính:** Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. *[Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh].*
- 2- **Báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập:** Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
- 3- **Trách nhiệm của kiểm toán:** Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng [hai] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- 4- **Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ được gửi đính kèm** với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 5- **Quyền thông tin của kiểm toán:** Kiểm toán viên thực hiện và kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

40P
C
C
TH
A
GIAI

Chương 18

CON DẤU

Điều 48. Con dấu

- 1- Hội đồng quản trị thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật.
- 2- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tổ chức quản lý và sử dụng con dấu của công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành.

047

ÔNG
Ổ P
ỦY
VỤ

16 -

Chương 19
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1- Công ty có thể giải thể, bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau

- a- Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;
- b- Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc
- c- Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

2- Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và quyết định này phải được gửi lên cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận là bắt buộc. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3- Thủ tục giải thể Công ty theo quy định tại Điều 202 Luật Doanh nghiệp.

4- Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể:

Kể từ khi có quyết định giải thể Công ty, nghiêm cấm Công ty, người quản lý Công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

- a- Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- b- Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- c- Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Công ty;
- d- Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể Công ty;
- e- Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- f- Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- g- Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Cổ đông sở hữu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể Công ty chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

- 1- Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất** trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- 2- Các Cổ đông không thống nhất** nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- 3- Có sự bất đồng nội bộ** và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 51. Rút ngắn thời gian hoạt động kinh doanh của Công ty

1- Hợp ĐHĐCĐ xem xét rút ngắn hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc rút ngắn thời gian hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2- Biểu quyết: Thời hạn hoạt động sẽ được rút ngắn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

1- Thành lập Ban thanh lý: Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập.

Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2- Trách nhiệm Ban Thanh lý: Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày Ban thanh lý được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3- Xử lý tài chính thu được từ việc thanh lý: Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a- Các chi phí thanh lý;

b- Tiền lương và chi phí bảo hiểm xã hội cho công nhân viên theo quy định của Pháp luật; và

c- Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước,

d- Các khoản vay (nếu có) và các khoản nợ khác của Công ty.

Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần sở hữu.

S-G-
1
ANG N.

Chương 20
MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG TY CON
VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 53. Quan hệ với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh

A- Mối quan hệ với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1- Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các quy định Pháp luật có liên quan.

2- Cổ đông của Công ty là chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, Hội đồng quản trị Công ty là đại diện chủ sở hữu thay mặt thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a- Các quyền của Công ty:

- Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm và ngành nghề kinh doanh;

- Quyết định nội dung, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho tổ chức, cá nhân khác;

- Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

- Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy điều hành; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; phân cấp cho Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng, các lợi ích khác của Tổng giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định các dự án đầu tư; bán tài sản; các hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;



- Yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo Pháp luật và Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

b- Nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty

- Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong phạm vi vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Góp vốn đầu đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Tuân thủ Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Phải xác định và tách biệt tài sản của Công ty và tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Tuân thủ quy định của Pháp luật về hợp đồng và Pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Công ty.

c- Ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định, Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty.

B. Quan hệ giữa Công ty với công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh

a- Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh được thành lập ở nước ngoài tổ chức và hoạt động theo Pháp luật về loại hình của công ty đó.

b- Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại công ty con theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty đó.

c- Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở công ty con thông qua người đại diện phần vốn của Công ty tại các công ty con.

d- Công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

- Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn góp chi phối của Công ty tại các công ty con. Người đại diện được trực tiếp tham gia ứng cử vào các chức danh điều hành quản lý tại các công ty con, phù hợp với Pháp luật hiện hành và Điều lệ của công ty đó.

- Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các công ty con;

- Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con;

- Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp và các công ty con;

4007
C
T
A
31

- Yêu cầu công ty con cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp Công ty mẹ
- Công ty con;

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo Pháp luật và Điều lệ công ty đó.

e- Ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định, các công ty con cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty mẹ.

Điều 54. Quan hệ với Công ty liên kết

1- Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2- Công ty cử người đại diện phần vốn để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của công ty liên kết và theo quy định của Pháp luật hiện hành.

3- Trường hợp Công ty nắm ít cổ phần hoặc vốn góp tại công ty liên kết mà không thể cử người đại diện phần vốn tham gia quản lý trực tiếp tại công ty liên kết thì phải tổ chức theo dõi số vốn đã đầu tư, lợi tức được chia và các lợi ích khác từ phần vốn đầu tư tại công ty liên kết; phân công người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

==
JAI
==
ĐN
Ổ F
ÚY
VI
==
VG
==

Chương 21
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1- Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:

a- Một Cổ đông hay một nhóm Cổ đông với Công ty; hoặc

b- Một Cổ đông hay một nhóm Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Cán bộ quản lý, thì:

c- Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, kể cả thông qua trung gian hoà giải theo nguyên tắc sau:

+ Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các nội dung liên quan đến tranh chấp trong vòng **hai mươi (20) ngày làm việc** kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

+ Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một bên thứ ba độc lập, phải là luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hoà giải.

2- Thời gian giải quyết tranh chấp:

Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được **trong vòng 6 tuần** kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của Pháp luật.

3- Chi phí:

Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền sẽ theo quy định của Pháp luật.

84;
GT
HÀ
ĐII
101
-T-

Chương 22
SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.

2- Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật mâu thuẫn với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.



Chương 23
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1- Điều lệ sửa đổi, bổ sung trong qua trình hoạt động (lần 2) này gồm 23 Chương và 58 Điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2016 tại thành phố Đà Nẵng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2016.

2- Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó

Một (01) bản nộp tại Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Quảng Nam

Chín (09) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3- Điều lệ sửa đổi, bổ sung trong qua trình hoạt động (lần 2) này là Điều lệ là duy nhất và chính thức của Công ty để tổ chức hoạt động sau ngày có hiệu lực của Điều lệ và chỉ có pháp lý khi có chữ ký, họ & tên của Người đại diện theo pháp luật Công ty. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong điều lệ này thì được thực hiện theo luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

4- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc được cấp một bản sao để thực thi nhiệm vụ.

Điều 58. Họ và tên; Chữ ký của Người đại diện pháp luật

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN TRÂM

C.P * NAM